

Số: 825/2023/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 26 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 568/2023/HNST – HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Mai Xuân H, sinh năm 1988.

- Bà Hoàng Lê Phương A, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: A Chung cư L, số E đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu cư trú tại Quận G và có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Lê Phương A và ông Mai Xuân H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2018, đăng ký ngày 12/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Hoàng Lê Phương A và ông Mai Xuân H có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Hoàng Lê Phương A và ông Mai Xuân H thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 03/2019 đăng ký vào ngày 10/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế cùng với lời trình bày của các đương sự xác nhận bà Hoàng Lê Phương A và ông Mai Xuân H có 01 (một) con chung, họ và tên Mai Hoàng Đức V (nam), sinh ngày 04/01/2019.

Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Mai Hoàng Đức V (nam), sinh ngày 04/01/2019 cho ông Mai Xuân H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Mai Xuân H không yêu cầu bà Hoàng Lê Phương A cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. C ông nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1.Về quan hệ hôn nhân Ông Mai Xuân H và bà Hoàng Lê Phương A xác nhận thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2018, đăng ký ngày 12/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế).

1.2.Về con chung: Ông Mai Xuân H và bà Hoàng Lê Phương A xác nhận có 01 (một) con chung, họ và tên Mai Hoàng Đức V (nam), sinh ngày 04/01/2019.

Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Mai Hoàng Đức V (nam), sinh ngày 04/01/2019 cho ông Mai Xuân H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Mai Xuân H không yêu cầu bà Hoàng Lê Phương A cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Hoàng Lê Phương A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

1.5.Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2023/0037343 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H1